TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NINH KIỀU** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019 /KDTM-ST
Ngày: 23/4/2019
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Kim Tiến

- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Việt Hưng

Bà Nguyễn Thị Hồng Liên

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Huỳnh Quốc Sang - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều: Bà Lê Thị Nga – Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Ninh Kiều tiến hành xét xử công khai vụ án thụ lý số 75/2018/TLST – KDTM ngày 04 tháng 9 năm 2018 về "***Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"*** theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 214/QĐST-KDTM ngày 27 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: **Công Ty Cổ Phần Dược Liệu A**

Địa chỉ: 367 A1, phường A2, quận A3, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật của công ty: Ông Trần Việt T -Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phan Tuấn K. Có mặt.

(theo giấy ủy quyền ngày 04/4/2019).

2. *Bị đơn*: **Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên B**

Địa chỉ: 117 đường B1, khu dân cư 91B phường B2, quận B3, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Thanh P –Giám đốc. Vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Công ty cổ phần được phẩm, dược liệu A (Công ty A) và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên B (Công ty B) có ký Hợp đồng mua bán số 65/PMC-KD ngày 04 tháng 01 năm 2016, hai bên mua bán các mặt hàng thuốc thành phẩm, chi tiết mặt hàng cụ thể được ghi trong danh mục đặt hàng bên B đề nghị và hóa đơn bán hàng do bên A lập, được coi như phụ lục hợp đồng. Hai bên tiếp tục hoạt động mua bán theo hình thức giao hàng và xuất hóa đơn VAT có ký nhận hàng của đại diện công ty B. Đến ngày 17/01/2018 qua kiểm tra và đối chiếu công nợ giữa hai bên, công ty B còn nợ công ty A số tiền 138.344.268 đồng.

Căn cứ theo quy định của điều 4 của Hợp đồng mua bán giữa hai bên quy định về phương thức thanh toán như sau: trong vòng 7 ngày kể từ ngày nhận hàng. Công ty A đã nhiều lần nhắc nợ và gửi văn bản yêu cầu công ty B thanh toán nợ quá hạn cho công ty A, nhưng đến nay công ty B vẫn chưa thực hiện. Vì vậy, công ty B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán gây thiệt hại vật chất cho công ty.

Công ty A khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc công ty B phải thanh toán số tiền nợ gốc là 138.344.268 đồng, không yêu cầu tính lãi chậm thanh toán.

Tòa án đã tiến hành các thủ tục tống đạt cho bị đơn theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện Bị đơn vắng mặt nên không trình bày được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật và việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng: xác minh và thu thập các chứng cứ, tài liệu đảm bảo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên Tòa án chưa đảm bảo về thời gian chuẩn bị xét xử.

Về nội dung: Nguyên đơn và bị đơn có ký hợp đồng mua bán dược phẩm năm 2016, tiếp đó hai bên tiếp tục hoạt động mua bán theo hình thức giao hàng và xuất hóa đơn VAT có ký nhận của đại diện Công ty B. Đến ngày 17/01/2018 qua kiểm tra và đối chiếu công nợ giữa hai bên Công ty B còn nợ Công ty A số tiền 138.344.268 đồng, có xác nhận của bị đơn. Đến nay, bị đơn chưa thanh toán nợ cho nguyên đơn. Như vậy, việc Công ty A khởi kiện Công ty B yêu cầu thanh toán nợ theo hợp đồng mua bán hàng hóa là đúng có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần A đối với Công ty B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều và ý kiến trình bày của đương sự tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp do Phòng đăng kí kinh doanh – Sở kế hoạch đầu tư thành phố Cần Thơ cung cấp, Công ty B có trụ sở tại: 117 đường A2, khu dân cư 91B phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều thụ lý, giải quyết đơn khởi kiện của Công ty A là đúng quy định của pháp luật.

Về việc vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho những người tham gia tố tụng. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn và người đại diện theo pháp luật của bị đơn tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không rõ lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiếp tục mở phiên tòa xét xử vụ án.

Về quan hệ tranh chấp: Công ty A có đơn khởi kiện Công ty B về việc yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc theo Hợp đồng mua bán hàng hóa đã kí. Xét thấy đây là Tranh chấp về kinh doanh thương mại, phát sinh trong hoạt động kinh doanh, giữa hai công ty có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận, phù hợp với quy định tại Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty A về việc buộc Công ty B thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ: Giữa công ty A và B có ký hợp đồng mua bán hàng hóa số 65/PMC-KD ngày 04 tháng 01 năm 2016, hai bên mua bán các mặt hàng thuốc thành phẩm, chi tiết mặt hàng cụ thể được ghi trong danh mục đặt hàng do bên B đề nghị và hóa đơn bán hàng do bên A lập, được coi như phụ lục hợp đồng. Bên A có thể đặt hàng cho bên B qua E –mail hoặc Fax. Thời hạn thanh toán là 7 ngày sau khi nhận được hàng. Từ tháng 01/2016 đến tháng 4/2017 Công ty A đã nhiều lần xuất hàng cho công ty B qua các hóa đơn giá trị gia tăng và được đại diện công ty B ký nhận hàng, Khi hết thời hạn thanh toán, Công ty B đã không trả tiền cho công ty A. Đến ngày 17/01/2018 qua kiểm tra và đối chiếu công nợ giữa hai bên, ông Lê Thanh Phong người đại diện theo pháp luật của Công ty B xác nhận còn nợ Công ty A số tiền hàng là 138.344.268 đồng.

Đến thời điểm hiện tại Công ty B chưa thanh toán cho Công ty A thêm số tiền nào. Theo hợp đồng mua bán đã ký giữa hai bên thì công ty A đã giao hàng cho cho Công ty B, bị đơn nhận được hàng nhưng vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên cần buộc bị đơn thanh toán toàn bộ số nợ trên cho nguyên đơn

Công ty A không yêu cầu tính lãi chậm thanh toán đối với công ty B, đây ý chí tự nguyện của nguyên đơn, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 24, Điều 50 và Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần dược phẩm, dược liệu A đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên B

[2] Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên B phải thanh toán cho Công ty Cổ phần dược phẩm dược liệu A số tiền nợ là 138.344.268 đồng *(Một trăm ba mươi tám triệu ba trăm bốn mươi bốn ngàn hai trăm sáu mươi tám đồng)*.

Kể từ ngày nguyên đơn được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chậm trả thì phải chịu lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Về án phí sơ thẩm: Công ty TNHH Một thành viên B phải chịu 6.917.500 đồng (đã làm tròn số) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Công ty Cổ phần dược phẩm, dược liệu A được nhận lại 3.459.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 001709 ngày 22/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án hôm nay. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án,

quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi gởi:
- *TAND TP.CT*
- *VKSND Q.NK*
- *THA Q.NK*
- *Các đương sự*
- *Lưu HS vụ án*

Phạm Thị Kim Tiến